TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 141/2018/HS - ST
Ngày: 28-6-2018

Nh©n danh
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Tßa ¸n ND Thµnh Phè Thanh Ho¸ - Tnh Thanh ho¸

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Huấn

Bà Nguyễn Thị Phương Nga

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Thư ký Tßa ¸n TP Thanh Ho¸.

- **§¹i diÖn VKSND Thµnh phè Thanh ho¸ tham gia phi¸n toµ:**

Bà Ninh Thị Tám - KiÓm s¸t vi¸n

Ngµy 28 th¸ng 6 n¨m 2018, t¹i trô së Tßa ¸n nh©n d©n thµnh phè Thanh Ho¸ xÐt xö s¬ thÈm công khai vô ¸n h×nh sù sơ thẩm thô lý sè 220/2018/TLST-HS ngµy 23 th¸ng 5 n¨m 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2018/QĐXXST - HS ngày 14/6/2018 ®èi víi bÞ c¸o:

Đỗ Minh A - sinh năm 1985 tại Thanh Hóa. Nơi cứ trú: Đội 1, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Minh T (đã chết) và bà Mai Thị L; vợ: Nguyễn Thị H và 02 con lớn sinh năm 2010, nhỏ 2013; tiền án: Ngày 07/3/2016 TAND huyện N, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội "trộm cắp tài sản"; tiền sự: không. Tạm giữ: 29/3/2018; tạm giam: 07/4/2018; "có mặt".

Bị hại: Chị Nguyễn Thị B - SN 1966 "vắng mặt'.

Trú tại: SN 06/291 phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15h ngày 29/3/2018 A đi xe buýt từ thị trấn Hà Trung đến khu vực chợ Đ, phường H, thành phố T mục đích trộm cắp tài sản. Khi đi A chuẩn bị 01

chiếc vam khóa chữ T, đến nơi A vào quán ăn bánh đồng thời ngồi quan sát để trộm cắp xe máy. Lúc này A phát hiện thấy 01 chiếc xe máy Drem màu nâu nho BKS 36F1-1005 của chị Nguyễn Thị B dựng ở bên hông chợ Đ không có người trông coi, A đi lại ngồi lên xe dùng vam phá khóa mở ổ điện nổ máy đi được khoảng 3m thì bị người dân và lực lượng công an phát hiện bắt quả tang và thu giữ tang vật.

Ngµy 02/4/2018 Héi ®ång ®Þnh gi¸ tµi s¶n trong tè tông h×nh sù, ®· x¸c ®Þnh chiếc xe máy trên trị giá 12.000.000đ. Chị B đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 134/CT-VKSTPTH ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T truy tố bị cáo Đỗ Minh A về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015.

Tại phiên toà đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố T giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 18 đến 24 tháng tù;

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiền hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Đỗ Minh A phạm tội " Trộm cắp tài sản". Tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án: Do có chủ định phạm tội từ trước nên bị cáo đã chuẩn bị công cụ phạm tội cũng như địa điểm phạm tội. Bị cáo lợi dụng chủ sở hữu tài sản

sơ hở trong việc quản lý tài sản đã nhanh chóng lén lút chiếm đoạt tài sản, nhưng chưa kịp tẩu thoát thì bị bắt quả tang. Hµnh vi ph¹m téi cña bÞ cáo kh«ng nh÷ng ®· x©m ph¹m ®Õn trËt tù trÞ an nãi chung mµ cßn x©m ph¹m ®Õn quyÒn së h÷u vÒ tµi s¶n cña công dân nói riêng, do đó cần được xử lý nghiêm minh mới có tác dụng gi¸o dôc ®èi víi bÞ c¸o vụ cã tÝnh chÊt phßng ngõa chung.

[4] Nhân thân và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo có 01 tiền án về tội "trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Với nhân thân của bị cáo và tính chất vụ án thì việc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi áp dụng hành phạt cần căn cứ điểm h, s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì tại các cơ quan pháp luật bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị B đã nhận tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

[6] Về vật chứng: Đối với 01vam phá khóa chữ T thu của bị cáo không có giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy. Căn cứ khoản 1, điểm a,c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS năm 2015; khoản 1, điểm a,c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Minh A phạm tội " Trộm cắp tài sản"

Xử phạt: Đỗ Minh A 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 29/3/2018.

Vò tr¸ch nhiÖm d©n sù: Công nhận người bị hại là chị Nguyễn Thị B đã nhận tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Về vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 01 vam phá khóa hình chữ T hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T theo biên bản giao nhận vật chứng số 129/THA ngày 23/5/2018).

Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án đối với khoản tiền án phí theo quy định tại các điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Thủy

***Nơi nhận*:**
- Bị cáo;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKS ND tỉnh TH
- Lưu hồ sơ.